

Lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế

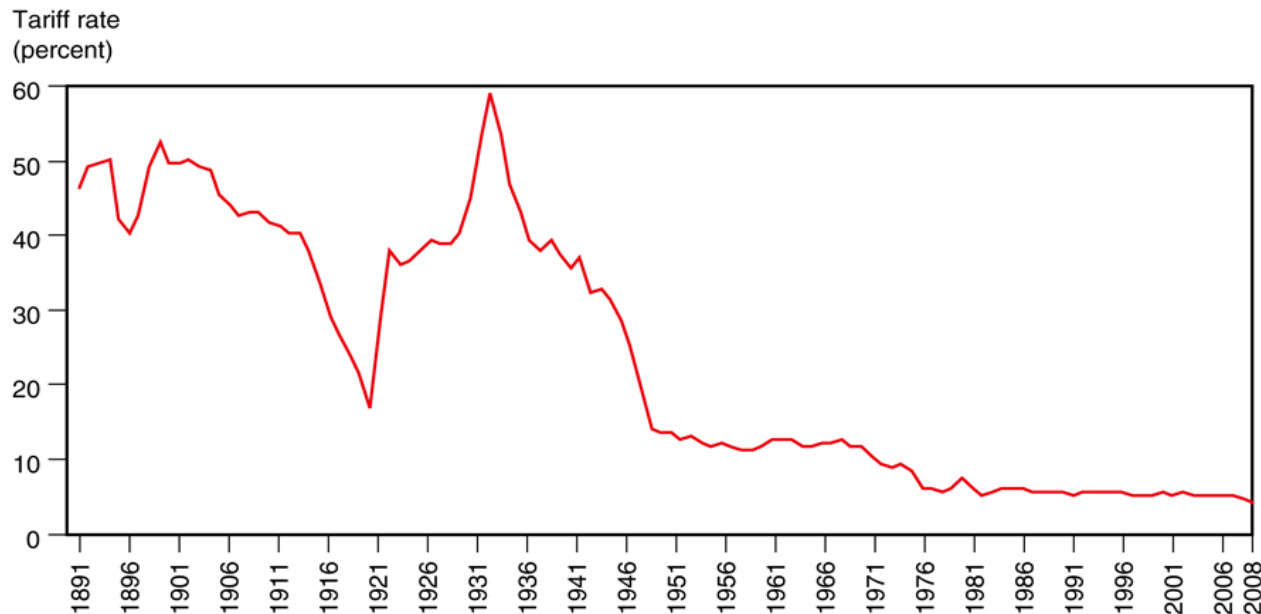
Đinh Công Khải

**Các định chế thương mại toàn cầu và
Hợp nhất kinh tế khu vực**

Đàm phán thương mại quốc tế : Đa phương

- Từ giữa thập niên 1930 đến 1998 Hoa Kỳ và các nước phát triển khác đã dần loại bỏ được thuế quan và các rào cản khác đối với sản phẩm công nghiệp.

Thuế quan ở Hoa Kỳ, 1891-2008



Đàm phán thương mại quốc tế : Đa phương

- Hầu hết các nhà kinh tế tin rằng tự do hóa ngoại thương là có lợi
- Tuy nhiên, đơn phương tự do hóa ngoại thương khó thực hiện vì lý do chính trị
 - Làm thế nào để việc loại bỏ những rào cản thương mại được chấp nhận về mặt chính trị?
- Từ 1944, phần lớn sự cắt giảm thuế quan và những hạn định thương mại khác đều diễn ra nhờ các cuộc đàm phán quốc tế.

Đàm phán thương mại quốc tế: Đa phương

- Trong ví dụ này, một nước đơn phương hành động sẽ khá hơn nhờ bảo hộ ($20 > 10$), cả hai sẽ khá hơn nếu chọn thương mại tự do thay vì cả hai đều chọn bảo hộ ($10 > -5$).
- Nếu Nhật và Mỹ có thể thiết lập một thỏa thuận ràng buộc để duy trì thương mại tự do, cả hai có thể tránh sự cám dỗ bảo hộ và đều có lợi hơn.
 - Hoặc nếu tổn thất đã xảy ra, cả hai nước có thể thống nhất quay lại thương mại tự do.

TABLE 10-3		The Problem of Trade Warfare	
		Japan	
	U.S.		
		Free trade	Protection
Free trade		10	20
		10	-10
Protection		-10	-5
		20	-5

Vai trò của đàm phán thương mại

- Đàm phán giúp cho các nước vượt qua được khó khăn về chính trị khi cải cách thương mại theo hướng tự do
 - Thay đổi tương quan lực lượng chính trị
- Đàm phán giúp tránh được chiến tranh thương mại quốc tế
 - Giải pháp cho thế tiến thoái lưỡng nan
- Chiến tranh thương mại có thể xảy ra nếu mỗi nước có động cơ áp dụng bảo hộ, *bất kể nước khác làm gì*. Tất cả đều có thể dựng hàng rào thương mại, *ngay cả khi thương mại tự do có lợi cho họ*. Các nước cần một thỏa thuận ngăn chặn chiến tranh thương mại hoặc loại bỏ bảo hộ để tránh.

Đàm phán thay cho đơn phương tự do hóa

- Những thỏa thuận trong đàm phán thương mại được thực thi bằng cách nào?
 - Trò chơi lặp lại và cơ chế trả đũa
 - Vấn đề hành vi bị che dấu (moral hazard problem) và cơ chế giám sát
- Tại sao phải có định chế thương mại quốc tế?
 - Cơ quan có quyền lực cưỡng chế để thực thi các hợp đồng

Tổ chức Thương mại Quốc tế

- GATT được 23 nước ký kết vào năm 1947
- ITO được thiết lập ở Havana năm 1948. Hiệp định được 53 nước ký kết
- Quốc hội Mỹ không phê chuẩn Hiến chương ITO. ITO sụp đổ năm 1950
- Các cuộc đàm phán trong khuôn khổ GATT được tiếp tục
- GATT là thỏa thuận tạm thời sau khi ITO sụp đổ
- Không có cơ sở định chế lâu dài cho đến khi WTO được thành lập 1995
- Chỉ là một hợp đồng tự nguyện giữa hơn 100 quốc gia về các quy tắc và luật lệ trong thương mại quốc tế

GATT

- Các chức năng chính của GATT
 - Xác định quy tắc ứng xử chung trong thương mại quốc tế
 - Tòa án quốc tế trong giải quyết tranh chấp
 - Diễn đàn đàm phán thương mại nhằm tự do hóa thương mại quốc tế.
- Thương mại công bằng dựa trên các nguyên tắc
 - Không phân biệt đối xử: Tối huệ quốc và đối xử quốc gia
 - Chỉ bảo hộ bằng các biện pháp minh bạch
 - Giảm thuế quan
 - Có qua có lại

GATT

- Các ngoại lệ trong nguyên tắc
 - Tự vệ và miễn trừ
 - Quyền được áp dụng các hạn chế thương mại tạm thời trong một số trường hợp nhất định
 - Các nước đang phát triển
 - Đối xử khác biệt và đặc biệt
 - Hội nhập khu vực
 - Điều XXIV

Quá trình phát triển của GATT

- 1947 -GATT được thành lập gồm 23 nước

Các vòng đàm phán song phương 1949,1951,1956,1960 ít nước tham gia

- 1955 Hoa Kỳ rút nông nghiệp ra khỏi GATT
- 1964-1967 Vòng Kennedy giảm thuế tuyến tính (35%) với sự tham gia 62 nước
- 1973-1979 Vòng Tokyo giảm thuế (33%) với 102 nước tham gia
- 1974 Hiệp định đa sợi cho hàng dệt may
- 1986-1994 Vòng Uruguay giảm thuế (33%), nông nghiệp, dịch vụ, TRIPs, TRIM, WTO với sự tham gia 116 quốc gia

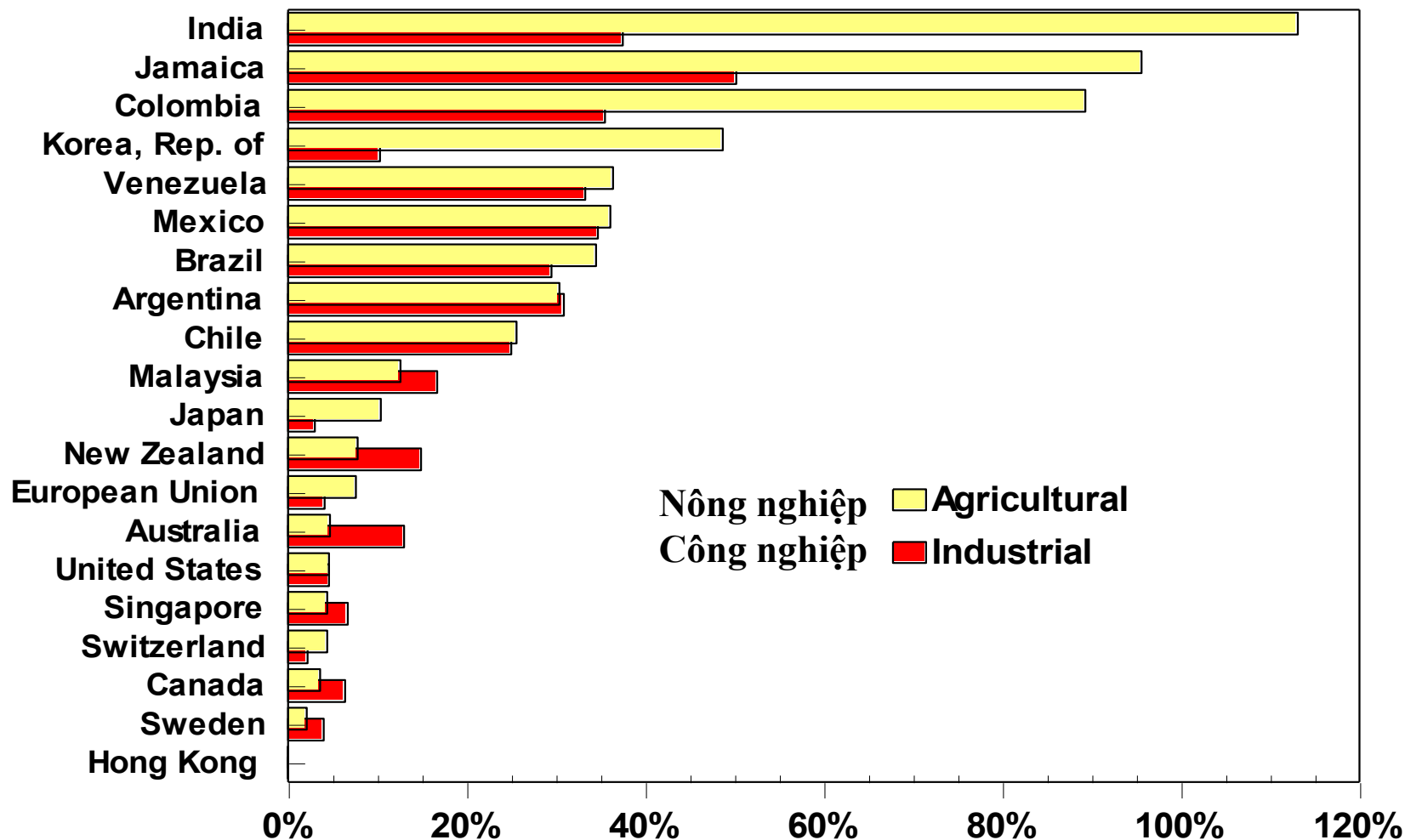
WTO

- Định chế lâu dài để thực hiện các chức năng của GATT
- Có cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả hơn
- Có hội đồng thường trực về hàng hóa, dịch vụ và TRIPs
- Có ủy ban để giám sát các ngoại lệ đối với các nguyên tắc của WTO
- Có cơ quan rà soát chính sách thương mại quốc tế

WTO

- Tiếp tục giảm thuế quan đối với sản phẩm công nghiệp
 - Giảm 1/3 trong 5-10 năm xuống còn 3 %
 - Cam kết mức trần thuế quan đối với hầu hết các sản phẩm
- Nông nghiệp
 - Thuế quan hóa các biện pháp bảo hộ
 - Cắt giảm thuế quan
 - Cắt giảm trung bình 36% trong vòng đàm phán đầu tiên
 - Bảo đảm tiếp cận thị trường
 - Nhập khẩu ít nhất 3% lượng tiêu dùng nội địa
 - Giảm trợ cấp nông nghiệp
 - Cắt giảm 20%-36% mức trợ cấp nông nghiệp

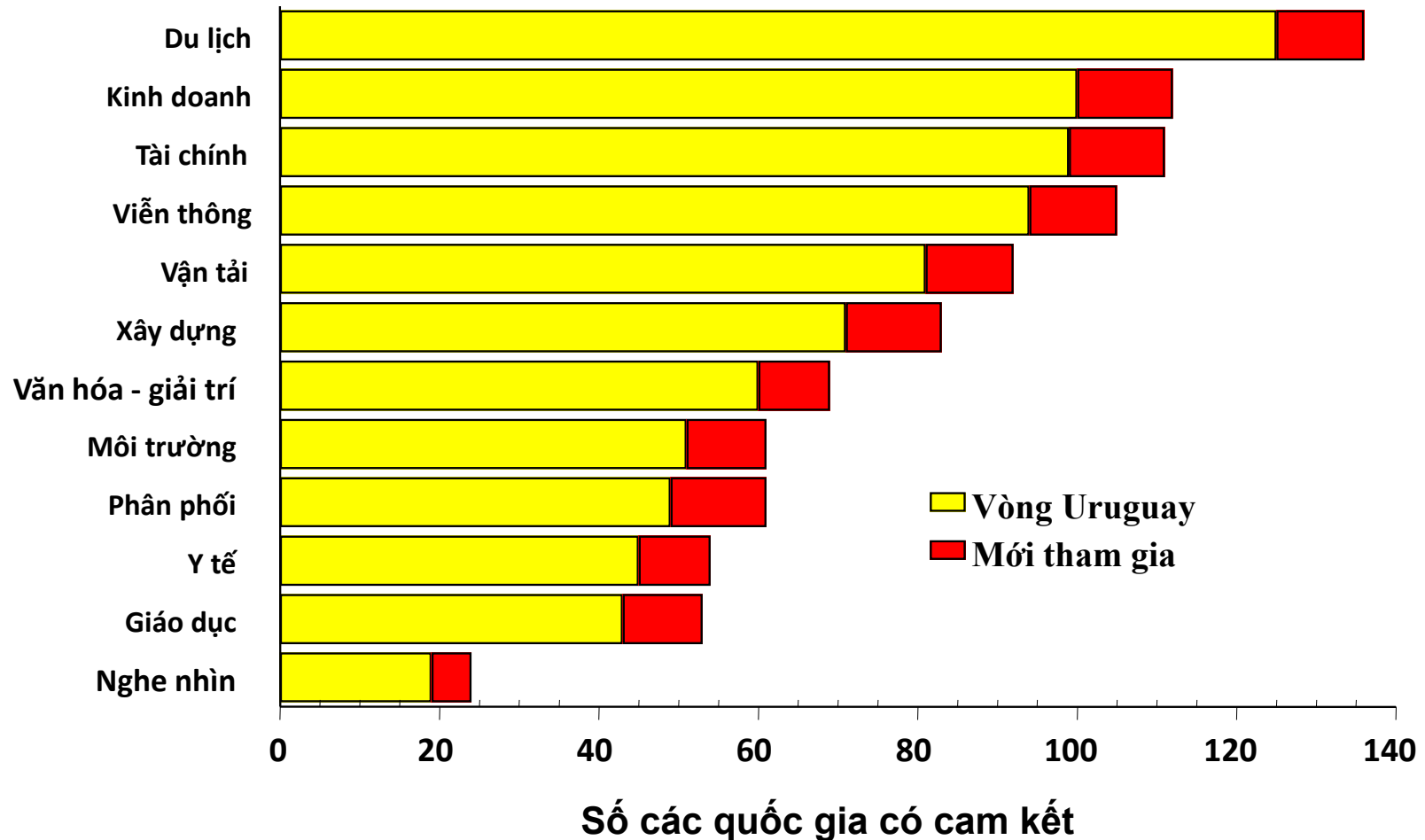
Thuế suất nhập khẩu theo cam kết sau Vòng đàm phán Uruguay



WTO

- GATS
 - Mục tiêu
 - Tạo ra những nguyên tắc trong thương mại
 - Bảo đảm đối xử bình đẳng
 - Thúc đẩy các hoạt động kinh tế thông qua đàm phán và các cam kết
 - Thúc đẩy thương mại thông qua tự do hóa từng bước
 - Khung quy tắc chung cho GATS tương tự như GATT
 - Đối xử bình đẳng
 - Đối xử quốc gia, Quy tắc tối huệ quốc,
 - Tính minh bạch
 - Công khai các quy định trong lĩnh vực dịch vụ
 - Giải quyết tranh chấp

Mức độ cam kết trong lĩnh vực dịch vụ tùy thuộc vào tính nhạy cảm trong lĩnh vực đó



WTO

- TRIPS

- Bảo hộ quyền sở hữu liên quan đến thương mại: bản quyền, thương hiệu, bằng sáng chế thông qua hiệp định
- Hội đồng về những vấn đề TRIPs để giám sát việc thực thi và tuân thủ của các nước thành viên
- Điều khoản chung và các cam kết căn bản
 - Đối xử quốc gia và nguyên tắc tối huệ quốc
- Những nội dung căn bản
 - Vấn đề bản quyền phải tuân thủ theo công ước Berne
 - Vấn đề bằng sáng chế phải tuân thủ theo công ước Paris
 - Kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ trong thời gian 10 năm
 - Nhãn hiệu hàng hóa và nhãn hiệu dịch vụ
 - Vấn đề chỉ dẫn địa lý nhằm ngăn ngừa những chỉ dẫn khiến khách hàng có sự hiểu nhầm

WTO

- TRIMS

- Quy định cấm các biện pháp đầu tư có thể gây ra tác động bóp méo đối với thương mại
- Những biện pháp nào vi phạm nguyên tắc của WTO?
 - Đối xử quốc gia
 - Hạn chế số lượng xuất, nhập khẩu hàng hóa
- Những biện pháp nào bị cấm?
 - Yêu cầu tỷ lệ nội địa hóa, yêu cầu cân đối ngoại thương, yêu cầu tỷ lệ xuất khẩu tối thiểu, yêu cầu chuyển giao công nghệ, yêu cầu chuyển giao quyền sử dụng bằng sáng chế, hạn chế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, yêu cầu tỷ lệ vốn trong nước

WTO

- Minh bạch hơn về các biện pháp tự vệ
 - Biện pháp tự vệ là biện pháp tạm thời hạn chế nhập khẩu tránh nguy hại hoặc đe dọa đến sản xuất trong nước hay mất cân đối bên ngoài
 - Khi nào thì áp dụng các biện pháp tự vệ?
- Hàng hóa liên quan tăng đột biến
- Gây thiệt hại hoặc đe dọa thiệt hại cho ngành sản xuất tương tự
- Có mối quan hệ nhân quả giữa nhập khẩu và thiệt hại sản xuất
 - Thuế đối kháng
 - Chống bán phá giá
 - Biện pháp khẩn cấp

Vòng đàm phán phát triển Doha

- Nông nghiệp và dịch vụ: Thực thi các quyết định của vòng đàm phán Uruguay
- Quan điểm phát triển: Quan tâm đến lợi ích của những nước đang phát triển
- Các nhóm công tác cho các vấn đề nan giải như môi trường, chính sách cạnh tranh, quy định về đầu tư và các vấn đề xã hội

Vòng đàm phán phát triển Doha

- Giải quyết những mất cân bằng trong quá khứ
 - Lợi ích của vòng đàm phán Uruguay phân phối không đều
- Chương trình của vòng Uruguay bị thiên lệch
 - Vấn đề lợi ích của những nước đang phát triển không được đề cập như dịch vụ thâm dụng lao động bán kỹ năng, trợ cấp nông nghiệp, quyền sở hữu trí tuệ
- Cải cách nông nghiệp rất quan trọng cho phát triển
 - Nông nghiệp chiếm 40% GDP của những nước đang phát triển, 35% xuất khẩu và 70% việc làm

Các vấn đề rắc rối còn lại

- Mức bảo hộ cao bên ngoài OECD
- Vấn đề bảo hộ đối phó
 - Thuế đối kháng và thuế chống bán phá giá được sử dụng chủ yếu ở Hoa Kỳ và EU
- Chủ nghĩa hiếu chiến đơn phương
 - Thương mại bất bình đẳng và trả đũa đơn phương
- Rào cản phi thuế

Thất bại của Doha

- Sau sáu vòng thương lượng với ba hội nghị bộ trưởng, tiến trình đàm phán buộc phải ngừng lại do
 - Mỹ, EU và một nhóm các nước đang phát triển không thống nhất được về việc giảm trợ cấp nông nghiệp (ở Mỹ và EU)
 - Hạ thấp thuế nhập khẩu (đối với sản phẩm công nghiệp của các nước phát triển).

WTO khác với GATT trên cả ba chiều

- WTO là một tổ chức thực thụ với các thành viên.
- Các thủ tục giải quyết tranh chấp của tổ chức được quy định chặt chẽ hơn.
- Rộng hơn: hầu hết các nước đều có tư cách thành viên.
- Sâu hơn: Sự khác biệt chính yếu là việc đề cập tới các vấn đề mới:
 - Dịch vụ
 - Quyền sở hữu trí tuệ
 - Đầu tư (chỉ đề cập một phần)

Hợp nhất kinh tế khu vực

1) Khái niệm về hợp nhất kinh tế (HNKT)

Là sự thỏa thuận chung giữa các quốc gia nhằm xoá bỏ các rào cản thương mại và đầu tư, tạo điều kiện cho hàng hoá, dịch vụ và các yếu tố sản xuất dịch chuyển tự do giữa các nước đó.

2) Các mức độ hợp nhất kinh tế

Thỏa ước ưu đãi thương mại (Preferential Trade Agreement): thỏa thuận giảm thuế cho một số quốc gia đối với một số loại sản phẩm.

2.1) Khu vực mậu dịch tự do (Free Trade Area- FTA)

- Các rào cản thuế quan và phi thuế quan giữa các nước trong khu vực đều bị xóa bỏ.
- Duy trì rào cản thuế quan khác nhau đối với các nước ngoài khu vực (các quy định về xuất xứ hàng hóa)
- Vd: AFTA, EFTA, NAFTA, MERCOSUR

▪ EFTA

- ✓ Được thành lập vào 1960 bởi 7 nước Áo, Đan Mạch, Na Uy, Bồ Đào Nha, Thụy Điển, Thụy sĩ, và Anh.
- ✓ Phần Lan gia nhập (1961), Iceland (1970), Liechtenstein (1991).
- ✓ Hiện nay, EFTA chỉ còn Na Uy, Iceland , Thụy sĩ, và Liechtenstein (các quốc gia còn lại gia nhập vào EC và EU)
- ✓ Thị trường có 13 triệu dân, GDP (PPP) 568 tỷ USD, thu nhập đầu người (PPP) là 44.828 USD (số liệu 2007)
- ✓ EFTA chỉ chú trọng vào các SP công nghiệp

- **NAFTA** (1989, với Mỹ và Canada; 1993, Mexico)
 - ✓ Thị trường có 444 triệu dân với tổng GDP 17 ngàn tỷ USD (2009)
 - ✓ Bãi bỏ thuế quan của 99% hàng hoá vào năm 2004
 - ✓ Tháo dỡ rào cản đối với dịch vụ và đầu tư
 - ✓ Thực thi luật sở hữu trí tuệ
 - ✓ 1993-2004, thương mại của NAFTA tăng 250%, Canada 70%, Mexico 66-80%
 - ✓ Năng suất lao động ở Mexico tăng 50%
 - ✓ FTAA, 2005, 34 nước với gần 900 triệu dân?

2.2) Liên hiệp thuế quan (Custom Union)

- Giống như các điều kiện của FTA nhưng áp dụng chính sách thương mại chung đối với các nước không phải là thành viên (vd: Andean Pact)

2.3) Thị trường chung (Common Market)

Giống như các điều kiện của liên hiệp thuế quan, thêm

- Đảm bảo sự vận động tự do của các yếu tố sản xuất giữa các nước thành viên.

Vd: EC và MERCOSUR

2.4) Liên hiệp kinh tế (Economic Union)

Giống như các điều kiện của thị trường chung, cộng thêm

- Thống nhất về chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa
- Có 1 đồng tiền chung (hoặc 1 tỷ giá cố định)
- Hoà hợp các suất thuế giữa các nước thành viên

2.5) Liên hiệp chính trị (Political Union)

- Có 1 bộ máy chính trị chung để thống nhất các chính sách kinh tế, xã hội, và ngoại giao (Mỹ và EU).

LIÊN HIỆP KINH TẾ - EU

- ✓ Tiền thân là Cộng đồng thép và than Châu Âu, 1951, Bỉ, Pháp, Tây Đức, Ý, Luxembourg, và Hà Lan
 - 1957, trở thành EC và 1994 , EC trở thành EU
 - EU có 27 thành viên, 500 triệu dân, GDP 16 ngàn tỷ USD (2009)
 - **Đạo luật chung Châu Âu (The Single European Act), 1992**
- ✓ Xóa bỏ biên giới giữa các quốc gia thành viên
- ✓ Thiết lập hệ thống nhận biết tiêu chuẩn SP của nhau; một tiêu chuẩn được tạo ra bởi 1 nước phải được các nước khác chấp nhận (Cassis-de-Dijon, Crème de casis, 19⁰ vào Đức)

- ✓ Khuyến khích cạnh tranh trong các dịch vụ ngân hàng và bảo hiểm
- ✓ Tháo dỡ cản trở thương mại do tỷ giá hối đoái vào 1992
- **Đồng tiền chung Châu Âu, EURO**
- ✓ 1992, Hiệp ước Maastricht quy định các nước thuộc EU sẽ sử dụng đồng tiền chung (euro) vào 1999
- ✓ Có 17 nước tham gia tạo nên khu vực tiền tệ lớn thứ 2 sau Mỹ (số liệu 2011)

- ✓ Lợi ích của đồng tiền chung Châu Âu
 - ❖ Giảm chi phí giao dịch (45 tỷ USD mỗi năm)
 - ❖ Tăng năng lực cạnh tranh thông qua chất lượng sản phẩm;
 - ❖ Tăng tính thanh khoản của thị trường vốn Châu Âu, giảm chi phí vốn và nâng cao hiệu quả đầu tư

✓ Kết quả:

1999, tỷ giá đồng euro = 1,33 USD

2000, tỷ giá đồng euro = 0,83 USD

2005-2010, tỷ giá đồng euro = 1,33 USD

▪ **Các vấn đề khác**

• Các tiêu chuẩn hội tụ

- Giá cả ổn định - tỷ lệ lạm phát chỉ được cao hơn tỷ lệ lạm phát ở 3 nước ổn định nhất là 1,5%
- Lãi suất thấp - chỉ được cao hơn tại 3 nước ổn định nhất là 3%.
- Tỷ giá hối đoái ổn định – công nhận biên độ dao động của ERM ít nhất là 2 năm.
- Thâm hụt ngân sách không được vượt quá 3%GDP
- Giới hạn nợ công tồn đọng không vượt quá 60% GDP.

- Lợi ích
 - Chi phí giao dịch sẽ giảm
 - Thị trường chung có thể hiệu quả hơn
 - Chính sách kinh tế có kỷ luật hơn sẽ khuyến khích tăng trưởng nhanh và tạo việc làm
 - Hệ thống tiền tệ quốc tế sẽ ổn định hơn
- Chi phí
 - Chính sách tiền tệ không còn chủ quyền để theo đuổi mục tiêu riêng: Không thể sử dụng chính sách phá giá và tăng giá để ổn định kinh tế vĩ mô
 - Chi phí sẽ cao khi có cú sốc không cân xứng
 - Các cơ chế còn lại để điều chỉnh chính sách
 - Mức độ linh động của tiền lương
 - Khả năng di chuyển lao động
 - Các khoản chuyển giao từ ngân sách “liên bang”

Khủng hoảng nợ châu Âu (Nguồn: Probyn, 2012)

Số ước 2010

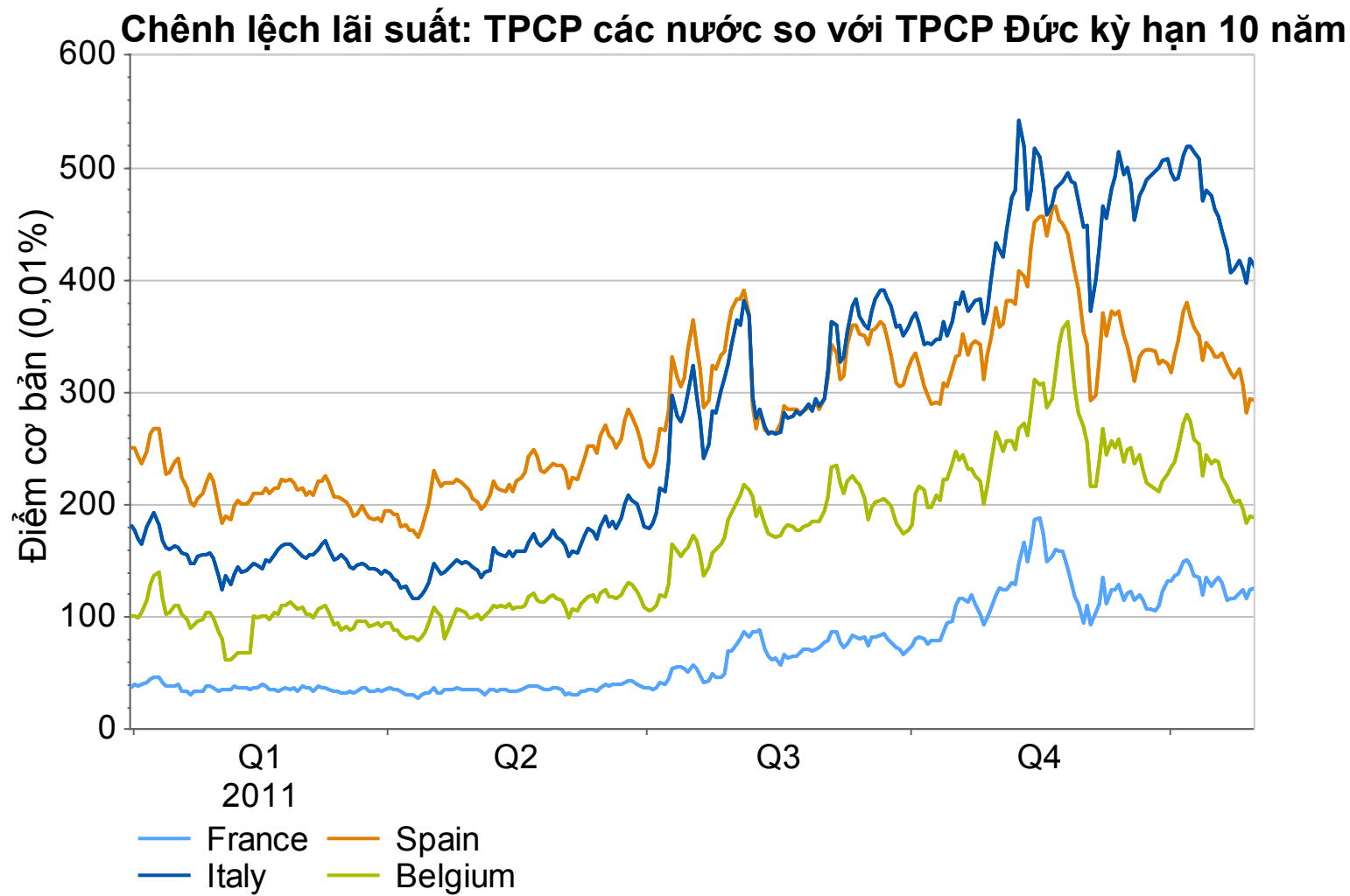
	Hy Lạp	Ai-len	Bồ Đào Nha	Tây Ban Nha	Cộng	Ý
GDP (tỷ €)	227	155	174	1,068		1,560
Nợ chính phủ (% GDP)	144%	94%	81%	63%		120%
Mức nợ (tỷ €)	327	146	141	671	1.285	1.872
Thâm hụt NS (% GDP)	9,7%	34,4%	7,3%	9,1%		5,0%
Thâm hụt cơ bản	1,3%	31,4%	4,6%	7,1%		0,5%
Trả lãi ròng	8,4%	3,0%	2,7%	2,0%		4,5%

Nguồn: EIU

Khủng hoảng nợ châu Âu (Nguồn: Probyn, 2012)

- Khủng hoảng mất khả năng chi trả có thể được giải quyết
- Phạm vi không lớn, ít nhất là nếu chỉ giới hạn trong ba nước ngoại vi: Hy Lạp, Bồ Đào Nha và Ý
- Do quy mô của mình nên Tây Ban Nha sẽ gây khó khăn lớn hơn
- Ý là “quá lớn để có thể cứu”

Khủng hoảng nợ châu Âu

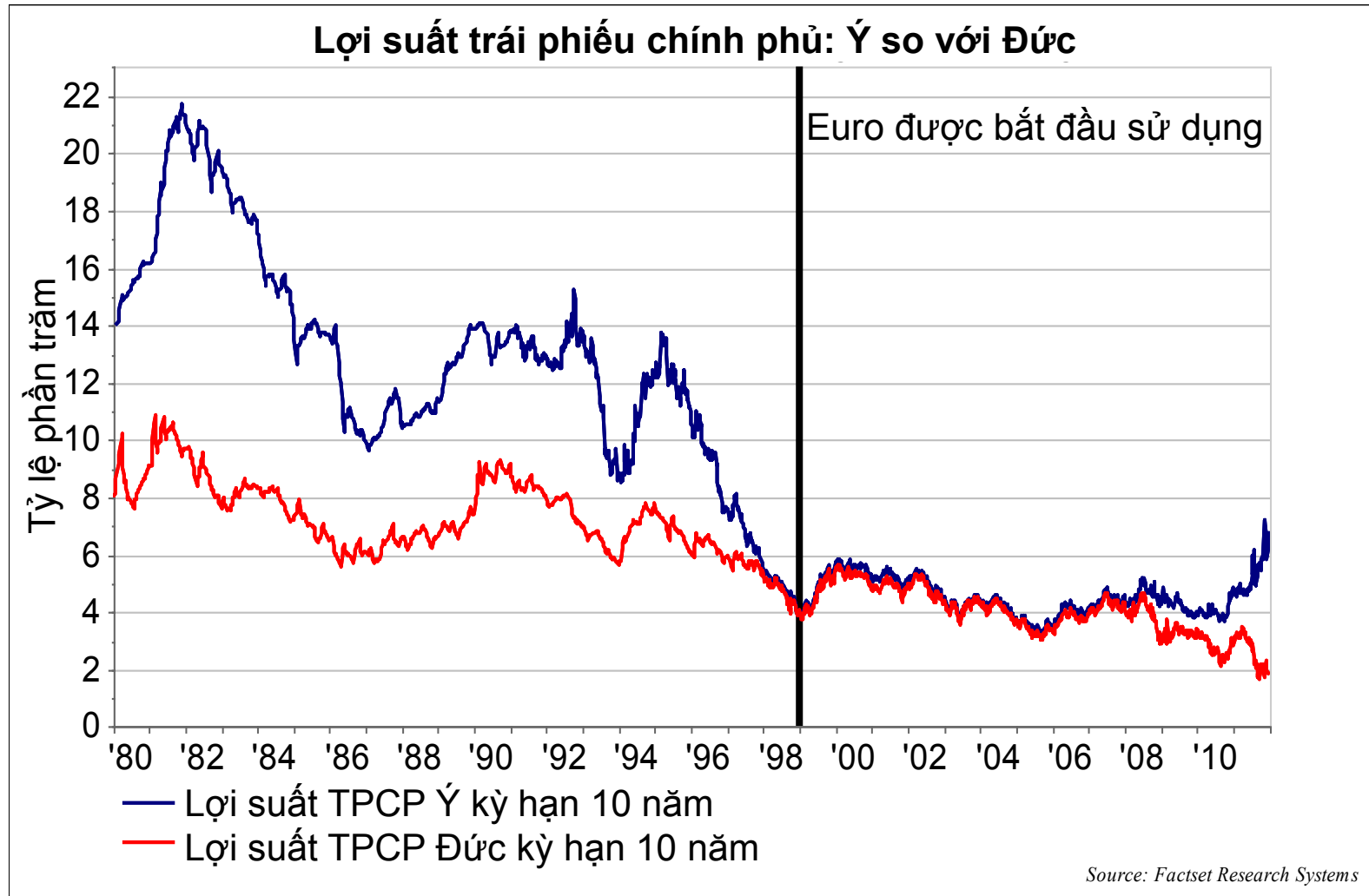


Source: FactSet Research Systems

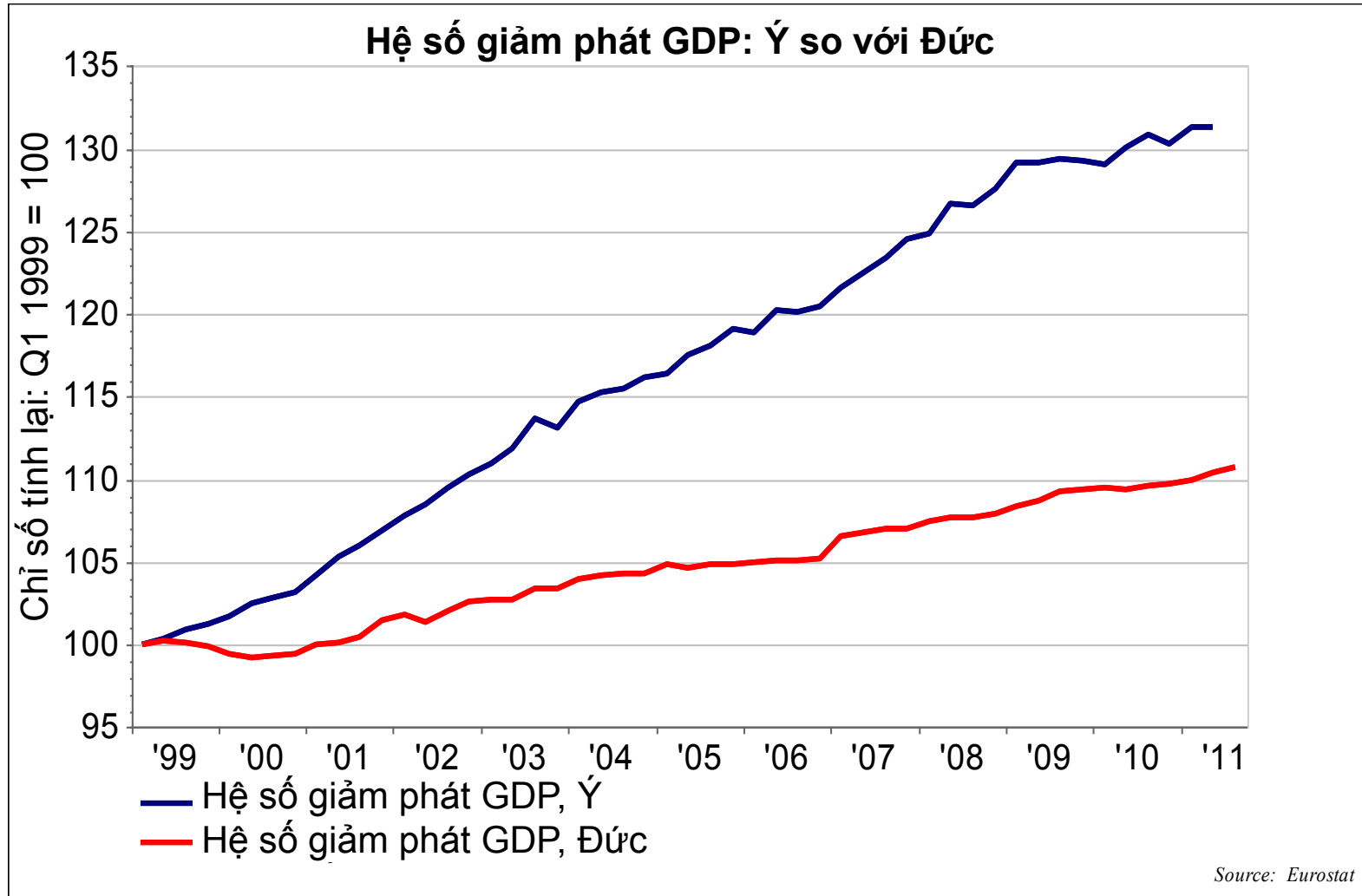
Khủng hoảng nợ châu Âu (Nguồn: Probyn, 2012)

- Một giải pháp thực sự đòi hỏi phải xử lý các trục trặc về cơ cấu.
- Các nhà hoạch định chính sách dường như tin rằng cuộc khủng hoảng hiện tại chỉ là do thiếu kỷ luật tài khóa ở các nước ngoại vi và có thể được giải quyết bằng chính sách thắt lưng buộc bụng.
- Mặc dù chỉ tiêu chính phủ rõ ràng là yếu tố trục trặc tại Hy Lạp, không chắc thâm hụt ngân sách là nguyên nhân căn bản gây khủng hoảng khu vực euro.
- Có vẻ như lãi suất thấp trong thập niên đầu tiên khi khu vực euro trở thành hiện thực đã thúc đẩy sự phát triển bùng nổ, từ đó làm cho các quốc gia thành viên có tính cạnh tranh ở vào những cấp độ khác nhau.
- Điều này có nghĩa là một số quốc gia sẽ có thành quả kinh tế yếu kém triển miên, trong khi những thành viên khác lại liên tục có kinh tế tốt.

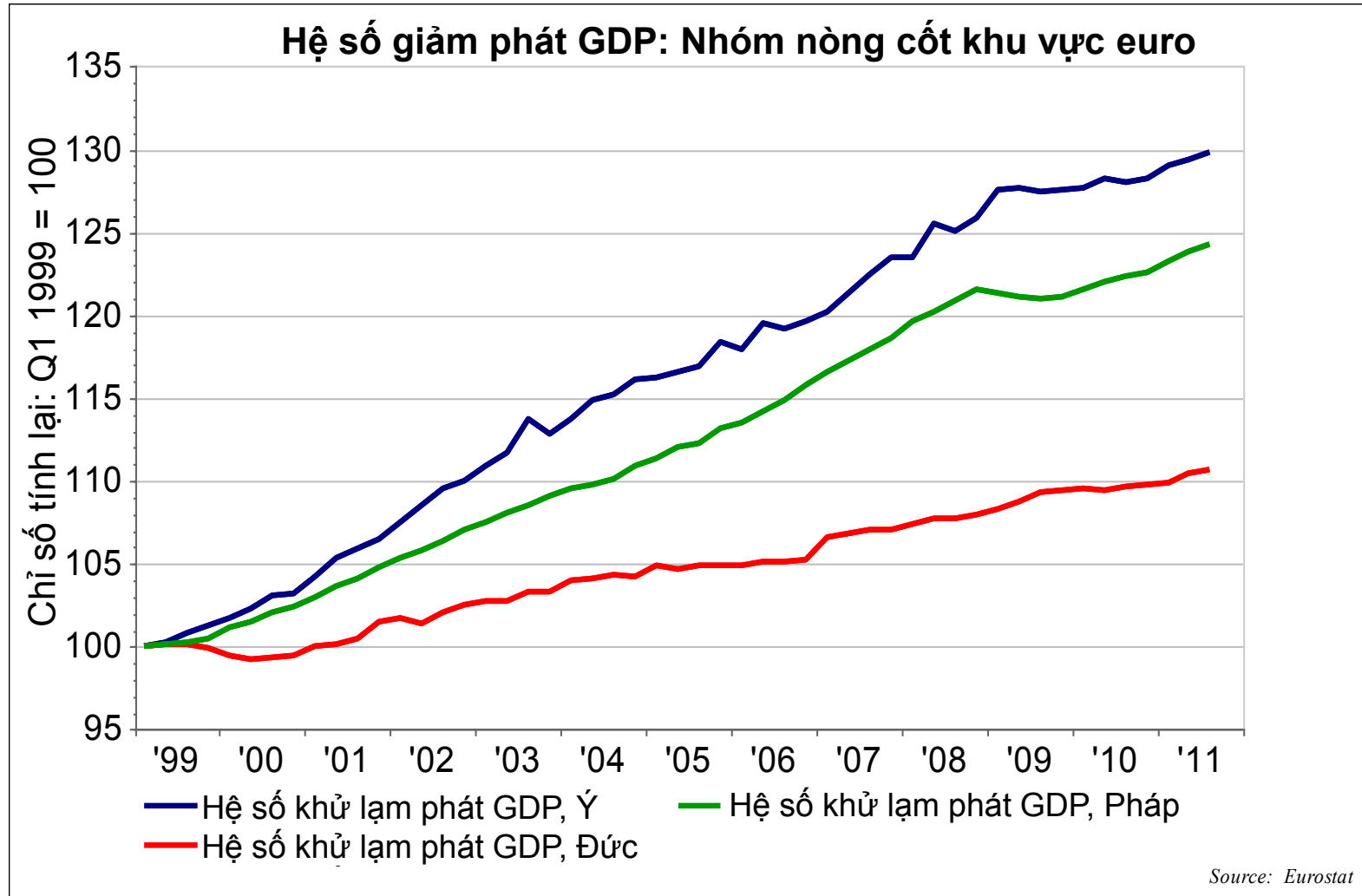
Khủng hoảng nợ châu Âu (Nguồn: Probyn, 2012)



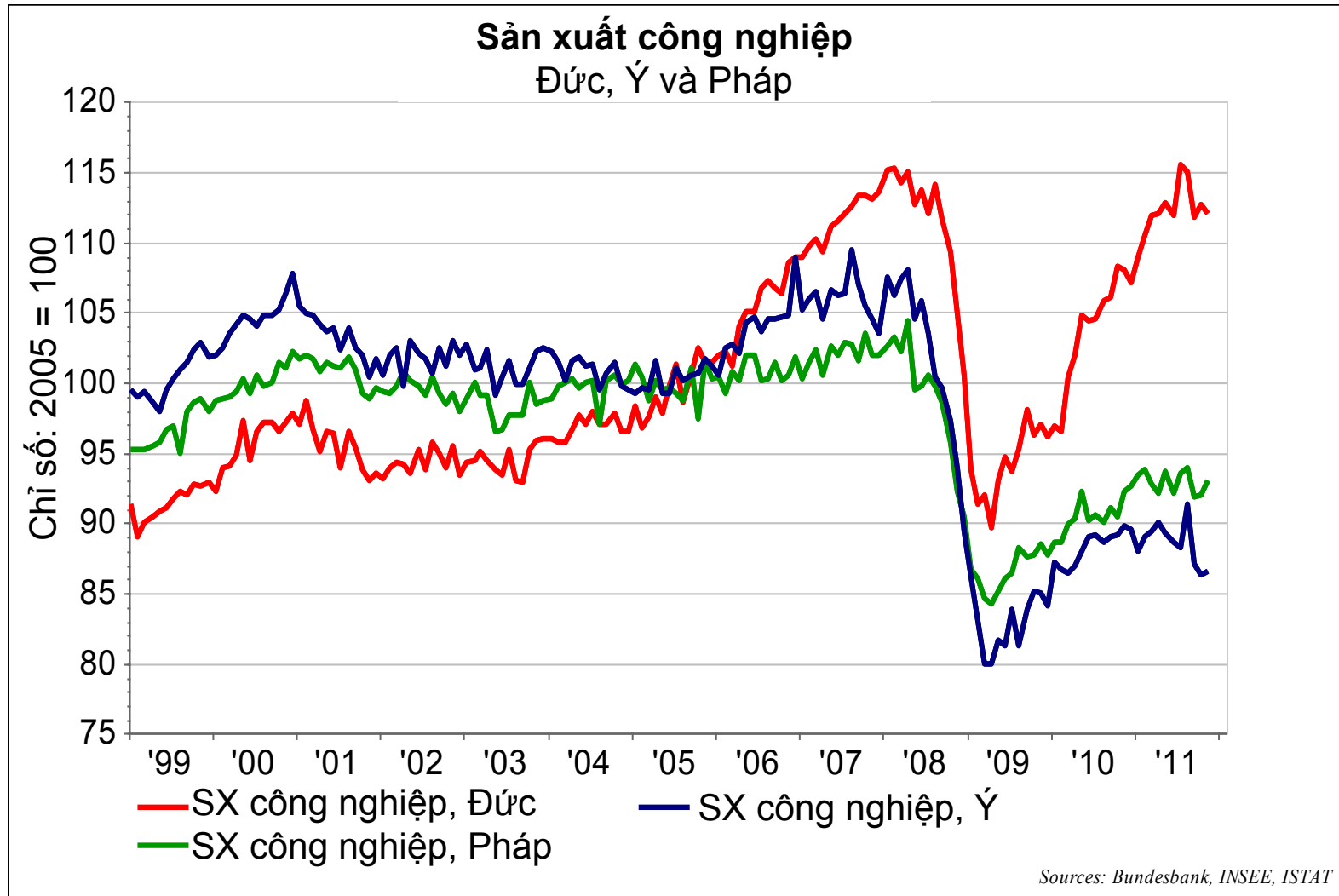
Khủng hoảng nợ châu Âu (Nguồn: Probyn, 2012)



Khủng hoảng nợ châu Âu (Nguồn: Probyn, 2012)



Khủng hoảng nợ châu Âu (Nguồn: Probyn, 2012)



Khủng hoảng nợ châu Âu (Nguồn: Probyn, 2012)

- Nhưng để khu vực euro sống sót trong dài hạn, hiệu quả kinh tế của các nước thành viên phải hội tụ chứ không phân ly.
- Điều này đòi hỏi:
 - Thị trường lao động linh hoạt hơn
 - Thiết lập một hệ thống chuyển giao ngân sách
- Hiệp định tăng trưởng và ổn định mới là không đủ
- Tóm lại:
 - Hoặc các nhà hoạch định chính sách phải chấp nhận đồng tiền chung châu Âu là bước đi thái quá và phải lùi lại – nếu làm sẽ vô cùng khó khăn.
 - Hoặc họ phải xây dựng một hệ thống chuyển giao ngân sách. Đây là một kết cục có nhiều khả năng xảy ra, nhưng việc thực thi sẽ không dễ dàng.
 - Họ cũng phải chấp nhận một cấp độ quản trị nhà nước vượt ra ngoài phạm vi quốc gia.

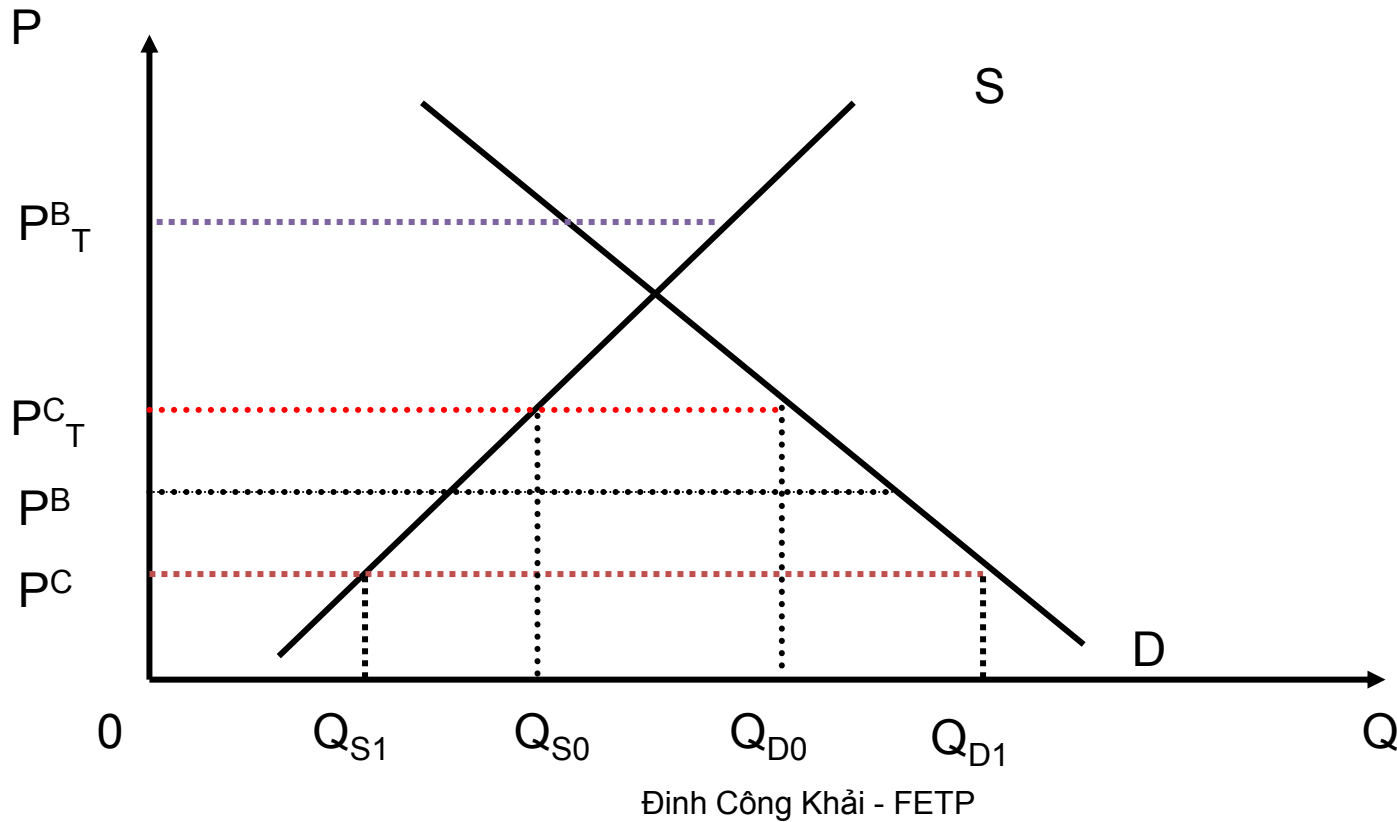
3) Tác động kinh tế của hợp nhất kinh tế

- Các hình thức hợp nhất kinh tế như Khu vực mậu dịch ưu đãi, Khu vực mậu dịch tự do và Liên hiệp thể quan
 - Tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại (Jacob Viner, 1950)
 - Lợi thế kinh tế theo quy mô
- Hội nhập sâu như Thị trường chung, Liên hiệp kinh tế và tiền tệ
 - Lợi ích lớn hơn do gỡ bỏ được những rào cản phi thuế

Tạo lập thương mại và chênh lệch thương mại

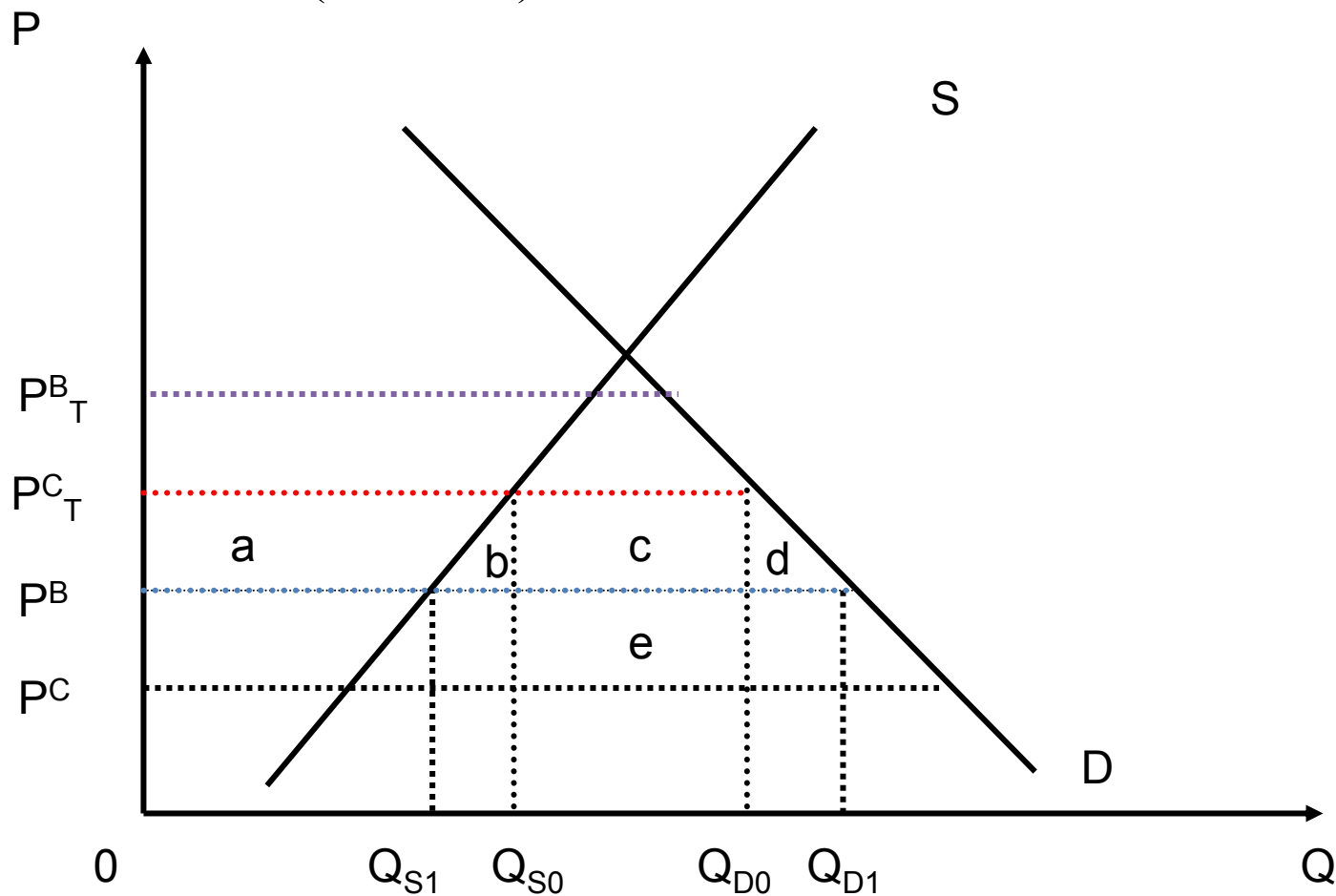
❑ Tạo lập thương mại (trade creation)

Nước A (nước nhỏ) hình thành FTA với C



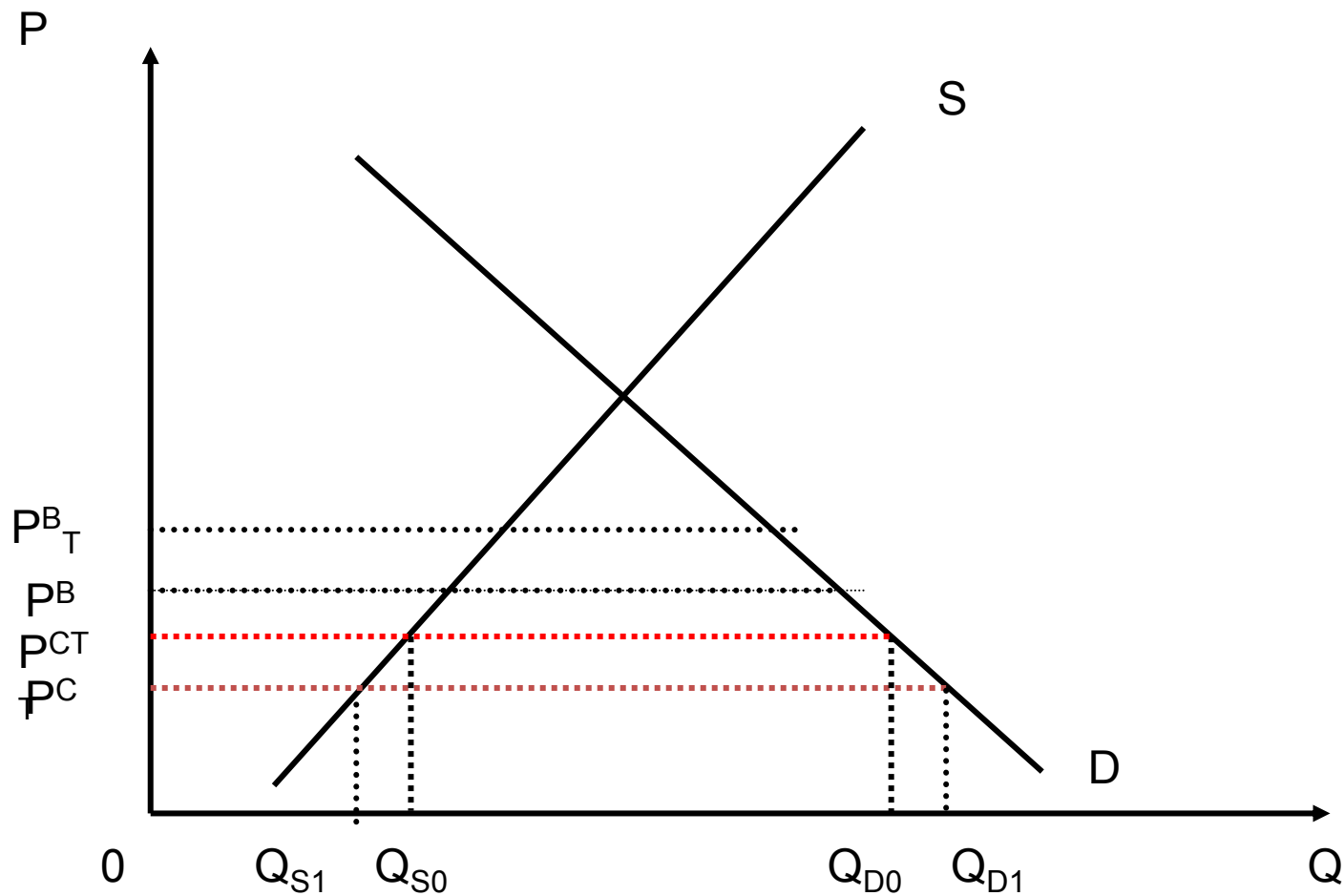
❑ Chênh hướng thương mại (trade diversion)

Nước A (nước nhỏ) hình thành FTA với B

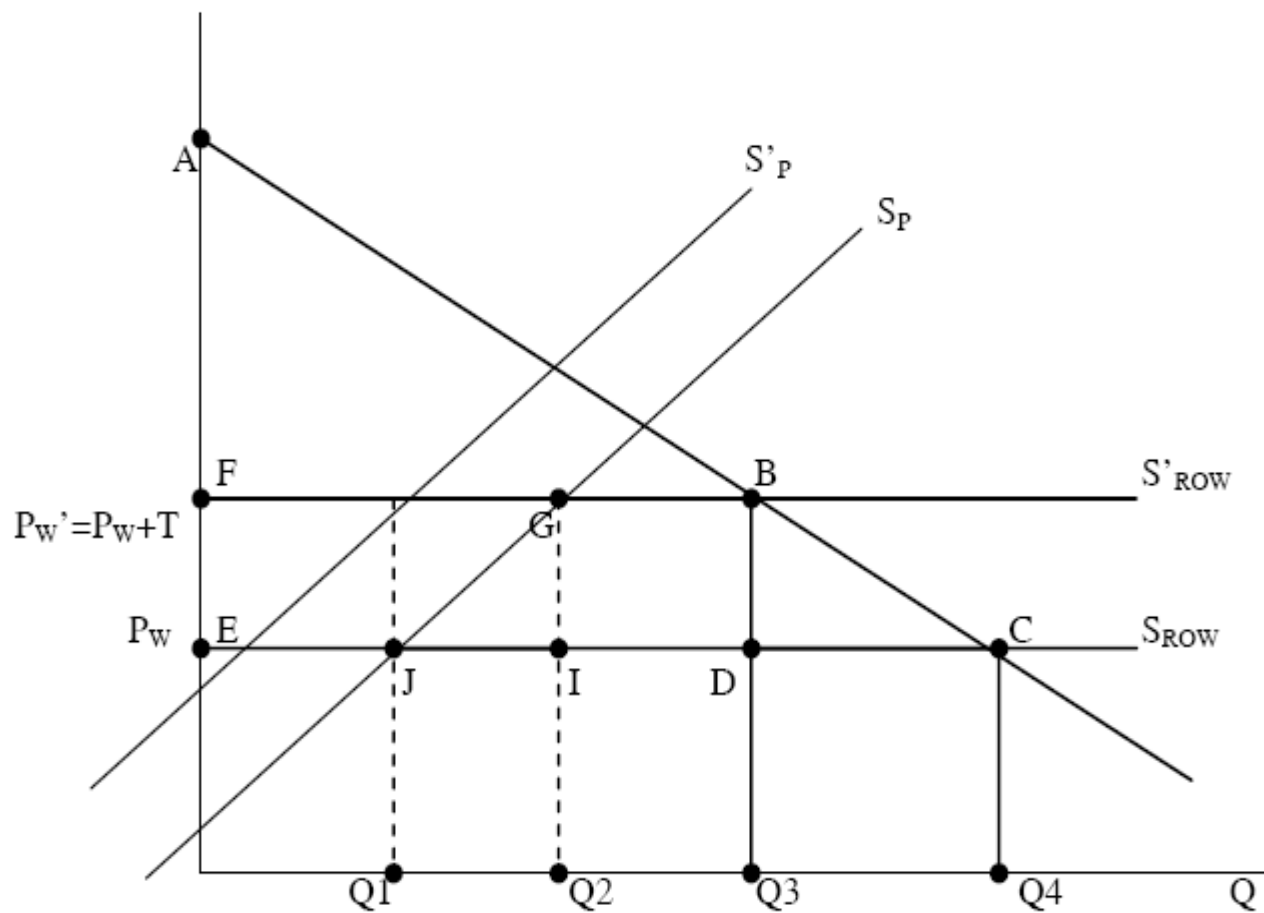


❑ Chế độ thương mại?

Nước A hình thành FTA với B



❑ Hiệp định thương mại khu vực giữa các nước nhỏ có lợi không?



4) Lợi ích và những bất cập của HNKT

□ Lợi ích

- Xóa bỏ các rào cản thương mại, tạo nên những thị trường rộng lớn nhằm tận dụng được lợi thế do tăng quy mô;
- Chuyên môn hóa, tăng khả năng cạnh tranh;
- Tăng khả năng thu hút đầu tư nước ngoài;
- Tạo thuận lợi cho chuyển giao công nghệ, marketing, và quản lý;

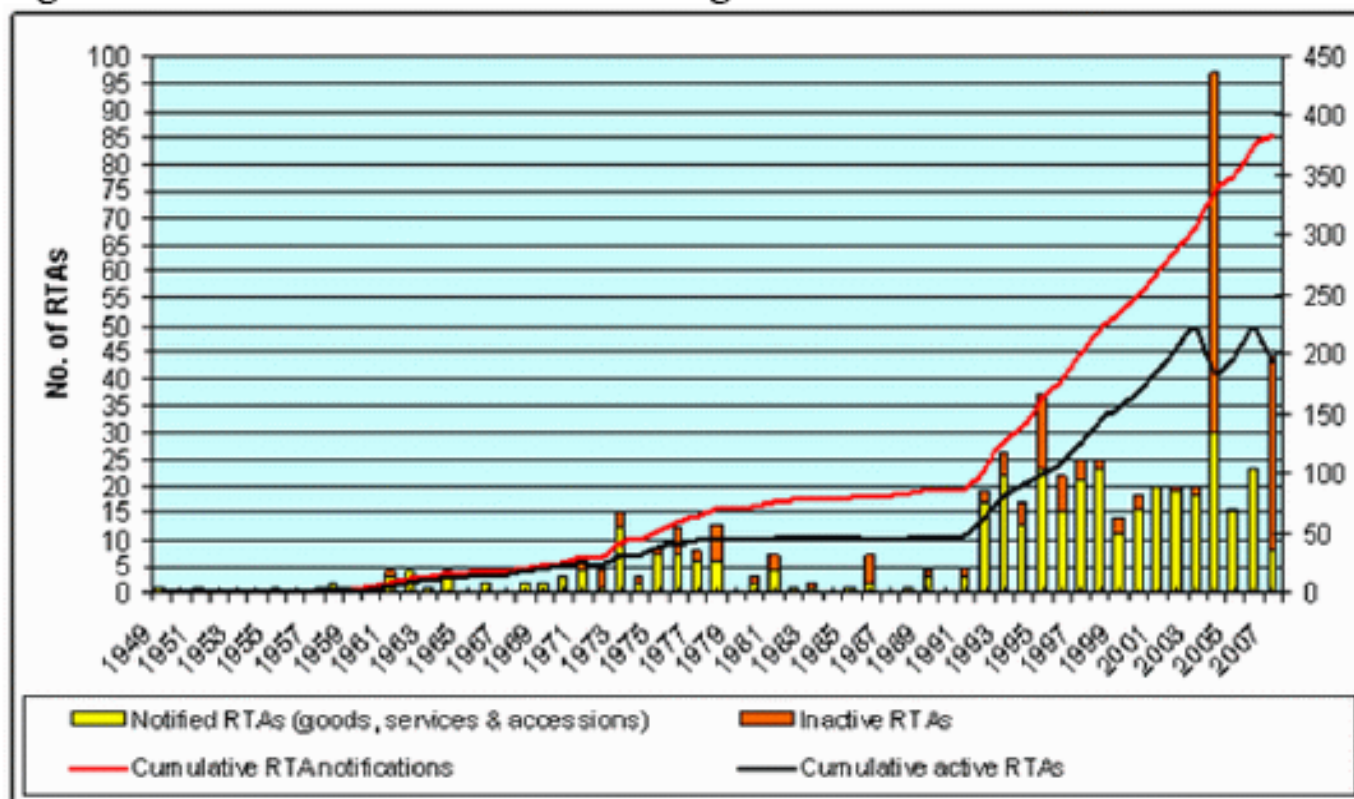
- Tăng cường khả năng thiết kế một chính sách ngoại thương theo hướng tự do hóa và tính cam kết của nó.
- Thúc đẩy cải cách kinh tế và quản lý nhà nước
- Tăng cường hợp tác chính trị giữa các nước láng giềng.
- ❑ **Bất cập của hợp nhất kinh tế**
 - Chênh hướng thương mại
 - Ảnh hưởng khác nhau đến các nhóm lợi ích
 - Giảm đi quyền tự quyết của các quốc gia

Câu hỏi chính sách: Hiệp định hội nhập khu vực Bắc-Nam hay Nam-Nam?

5) Mối quan hệ giữa RTA và WTO

- Các hiệp định thương mại khu vực phát triển song song với sự phát triển của WTO.
- Năm 1998, WTO được thông báo có khoảng 100 RTAs đang hoạt động, đến năm 2005 con số này là 312.
- Có thể xảy ra mâu thuẫn trong quá trình phát triển song song của RTA và WTO?

Figure 1- Accumulation of RTAs during last decades.



Source: Crawford (2006).